

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ
Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên

Từ ngày 03 đến ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh C (*Tên gọi khác: C m*), sinh năm 1969 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 21/14 khóm Mn, phường PT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T (Đã chết); Có vợ Vũ Thị Thanh T; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 1999. Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 178/HS-ST ngày 10/11/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 121/HS-ST ngày 15/7/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Z về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Buộc Nguyễn Mạnh C phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2005. Chưa chấp hành phần án phí của các bản án.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 99/HS-ST ngày 20/5/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Giấy chứng nhận xóa án tích ngày 31/12/2009.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Cao P (*Tên gọi khác: PC*), sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 18/2 Hà Thanh, phường VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Ngọc P. Tiền sự: không. Tiền án:

Bản án hình sự sơ thẩm số 81/HS-ST ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện DK, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp với hình phạt chưa thi hành của Bản án số 207/HS-PT ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt

chung là 05 năm 10 tháng 03 ngày tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 06/11/2018. Chấp hành xong phần án phí của các bản án năm 2018.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Võ Quốc B, (*Tên gọi khác BK*), sinh năm 1979 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: Tổ 12 (*Nay là tổ 19*) VH, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: 6/31/61 Hương lộ NH, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Tvà bà Trần Thị Ánh N; Có vợ Nguyễn Thị Thu H; có 02 con lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 102/HS-ST ngày 20/6/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 11 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Giấy chứng nhận đặc xá ngày 30/8/2010.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Lê Quốc B (*Tên gọi khác: B Lucky*), sinh năm 1989 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: Tổ 10 hẻm 117 Hương lộ NH, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: 48/33 đường Lương Định C, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý T và bà Nguyễn Thị Thanh N; Có vợ Trần Khánh T; có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022. Có mặt.

5. Nguyễn Phi V, sinh năm 1992 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 122/9 Đồng Nai, phường PH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (*Đã chết*) và bà Bùi Thị N; Có vợ Nguyễn Lê Hoàng A; có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Phạm Tấn Đ (*Tên gọi khác Đ dạo*), sinh năm 1985 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 13 Vĩnh Diêm T, xã VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (*Đã chết*) và bà Nguyễn Thị Minh N; Có vợ Lê Thị T (*Đã ly hôn*); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

7. Võ Duy B (*Tên gọi khác là H*), sinh năm 1983 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 12 (*Nay là tổ 19*) Vĩnh Hội, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Trần Thị Ánh N; Có vợ Huỳnh Thị Thanh T; có 02 con lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

8. Nguyễn Duy Q (*Tên gọi khác là B nhỏ*), sinh năm 1991 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 1 Thái Thông, xã VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Phạm Thị Hồng N. Có vợ Nguyễn Hồng Như N. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

9. Sử Thanh T, sinh năm 1988 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 4 Thôn P T, xã VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sử T (*Đã chết*) và bà Nguyễn Thị M; Có vợ Võ Thị Kim O; có 02 con lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

10. Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 56 đường Âu Cơ, phường PT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị H; Có vợ Đặng Thị Thu T; có 02 con lớn nhất sinh năm 2021 và nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

11. Phan Minh T (*Tên gọi khác là B lớn*), sinh năm 1985 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 7 Lư Cẩm, phường NH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan T và bà Ngô Gia H (*Đã chết*); Có vợ Phạm Thị Lệ H; có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

12. Bùi Quốc C, sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 80C/9/3/1 Đồng Nai, phường PH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Bùi Thị B; Có vợ Nguyễn Thị Thu H; có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Thiều Hạnh N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: 85 HT, phường VT, thành phố Z.

- Ông Lê Nhật T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 12 Vĩnh Hội, phường NH, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Lô 8 Ô DC 6, phường VT, thành phố Z.

- Ông Lê Minh Q, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn T, xã NV, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Gia Đại P, sinh năm 1996; Nơi cư trú: 376/2 đường Lê Hồng P, phường PL, thành phố Z.

- Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 05 đường Lý Tự T, phường LT, thành phố Z.

- Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 14 NT, phường NH, thành phố Z.

- Ông Võ B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 105/6 đường Nguyễn Thái H, phường VT, thành phố Z.

- Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 66 TT, phường VT, thành phố Z.

- Bà Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1967; Nơi cư trú: 157/14 đường 2/4 phường

VT, thành phố Z.

- Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Tổ 19 VH, phường NH, thành phố Z.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 118/34 Trần Quý C, phường PS, thành phố Z.

- Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: 29/6 đường 2/4, phường VT, thành phố Z.

- Bà Huỳnh Hồ Hồng L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: 152/4/8 Trần Quý C, phường PS, thành phố Z.

- Bà Phạm Thị Xuân M, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 07 HL, phường PH, thành phố Z.

- Bà Đặng Thị Út T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 9 thôn VC, xã VT, thành phố Z.

- Bà Lương Thị Ngọc L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 1 Thôn VD, xã VT, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 471 Lương Định C, xã V N, thành phố Z.

- Bà Đào Thị Hồng T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn XN, xã VN, thành phố Z.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 12 ST, phường VP, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; Nơi cư trú: thôn PT, xã VT, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 17 Vĩnh Diêm T, xã VH, thành phố Z.

- Bà Võ Nguyễn Đông P, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 9A/2 đường 23/10, thành phố Z.

- Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 3, phường VT, thành phố Z.

- Bà Đào Thị N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 8, BT1, phường NH, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Đặng Anh T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 8 thôn VC, xã VT, thành phố Z.

- Bà Nguyễn Tú T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn Đ, xã VP, thành phố Z.

- Bà Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 53/17 Lý Thánh T, phường LT, thành phố Z.

- Bà Võ Thị Hồng A, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 4 NH, phường NH, thành phố Z.

- Ông Võ Thành H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: 03 TP, phường PT, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu phố Tam H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Hoài A, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 186 Trần Quý C, phường PS, thành phố Z.

- Ông Trần Duy T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 9A LL, phường XH, thành phố Z.

- Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: 02 Lô 19 Lê Hồng P, phường PH, thành phố Z.

- Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 58 BC, phường PS, thành phố Z.

- Bà Cao Thị T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: 24/17A Nguyễn Thiện T, phường TL, thành phố Z.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: tổ 2 Vĩnh Diễm T, xã VH, thành phố Z.
 - Ông Trần Hữu Q, sinh năm 1982; Nơi cư trú: tổ 13 NH, xã VN, thành phố Z.
 - Bà Nguyễn Hà V, sinh năm 1997; Nơi cư trú: 24 Nguyễn Viết X, phường PL, thành phố Z.
 - Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 51 Tô Hiến T, phường TL, thành phố Z.
 - Bà Võ Phương L, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 44/3 VT, phường PT, thành phố Z.
 - Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1992; Nơi cư trú: 404/17/40/8 đường số 28, phường PL, thành phố Z.
 - Bà Trần Thanh H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: 36/1 TX, phường PS, thành phố Z.
 - Bà Dương Thị Xuân T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: 132 TT, phường VTrường, thành phố Z.
 - Bà Dương Thị Xuân T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: 3B14 Võ Thị S, phường VT, thành phố Z.
 - Bà Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: 118/16/14 Trần Quý C, phường PS, thành phố Z.
 - Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: 63/3 Nguyễn Thái H, phường VT, thành phố Z.
 - Bà Võ Thị Thu A, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ô 9 Lô 35 HS, phường V H, thành phố Z.
 - Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: 52 ĐC, phường TL, thành phố Z.
 - Bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 4 thôn Phú T, xã V , thành phố Z.
 - Ông, bà Trần Ngọc Trúc Q và Nguyễn Trúc N; Nơi cư trú: Thôn Đ 2 Diên Đ, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.
 - Ông Trần Nguyễn Duy P; Nơi cư trú: Tổ 1 Ngọc Hội, xã VN, thành phố Z
 - Ông Ngô Công B; Nơi cư trú: Bãi Giếng 2, Cam Hải T, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.
 - Ông Phạm Xuân Vương Q; Nơi cư trú: Bãi Giếng 4, CĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.
 - Bà Nguyễn Thị Thanh T; Nơi cư trú: Tổ 12 HT, phường VH, thành phố Z
 - Ông Đặng Hoàng N; Nơi cư trú: Phú N, Hòa Bình 1, huyện TH, tỉnh Phú Yên.
 - Bà Lê Trâm A; Nơi cư trú: 18A Lê Quý Đ, phường PT, thành phố Z.
 - Bà Nguyễn Thị Thu H; Nơi cư trú: Tổ 12 Vĩnh Hội, phường NH, thành phố Z.
 - Bà Nguyễn Lê Hoàng A; Nơi cư trú: 122/9 Đồng N, phường PH, thành phố Z.
- (Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2021, trên địa bàn thành phố Z, Nguyễn Mạnh C không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng đã tiến hành cho

hiều người vay tiền, với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. C cho người vay vay tiền dưới hai hình thức và lãi suất như sau:

Vay tiền đứng: là hình thức vay mà người vay phải trả một khoản lãi cố định hàng ngày, không có tiền gốc, không có thời hạn vay cố định và chỉ khi nào người vay trả đủ số tiền vay gốc 01 lần thì ngưng trả lãi. Số tiền lãi hàng ngày mà người vay tiền phải trả cho Nguyễn Mạnh C được tính theo mức: số tiền vay nhân với mức lãi suất 01%/ngày. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, lãi suất mà người vay phải trả cao nhất tính theo ngày là 0,05%. Như vậy, lãi suất mà C cho người vay, cao gấp 20 lần lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Vay tiền góp: là hình thức vay có thời hạn cố định, hàng ngày người vay phải trả một khoản tiền góp, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, được chia đều từng ngày. Thời hạn vay tiền được Nguyễn Mạnh C ấn định là 27,5 ngày hoặc 60 ngày. Số tiền lãi và gốc hàng ngày và người vay tiền phải trả cho Nguyễn Mạnh C được tính theo cách thức: đối với thời hạn vay 27,5 ngày, cứ vay 1.000.000 đồng thì hàng ngày, người vay phải trả số tiền gốc và lãi là 40.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 0,36%/ngày, cao gấp 7,2 lần so với lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; đối với thời hạn vay 60 ngày, cứ vay 1.000.000 đồng thì hàng ngày, người vay phải trả số tiền gốc và lãi là 20.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 0,33%/ngày, cao gấp 6,6 lần so với lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Để tổ chức hoạt động cho vay, C thuê các đối tượng Võ Quốc B, Nguyễn Phi V, Trần Cao P, Phạm Tấn Đ, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Lê Quốc B, Phan Minh T, Bùi Quốc C để phụ giúp việc cho vay và trả lương cho các đối tượng này với mức lương từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/1 người/1 tháng.

Hoạt động cho vay của Nguyễn Mạnh C được tổ chức theo cách thức: các đối tượng Võ Quốc B, Nguyễn Phi V, Trần Cao P, Phạm Tấn Đ, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Lê Quốc B, Phan Minh T, Bùi Quốc C có trách nhiệm gặp trực tiếp người vay tiền, thỏa thuận hình thức vay và lãi suất vay với người vay tiền, lấy “hồ sơ vay tiền” (các giấy tờ tài liệu như Giấy vay tiền, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe...) của người vay, xem xét khả năng tài chính. Sau đó, các đối tượng này đưa người vay tiền đến gặp trực tiếp Nguyễn Mạnh C hoặc liên lạc qua điện thoại để C cho vay. Hàng ngày, Võ Quốc B, Nguyễn Phi V, Trần Cao P, Phạm Tấn Đ, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Lê Quốc B, Phan Minh T, Bùi Quốc C sẽ có trách nhiệm thu tiền gốc và tiền lãi của những người vay để đem về giao cho C.

Quá trình điều tra, hiện nay xác định được những người đã từng vay tiền của nhóm Nguyễn Mạnh C như sau:

- Trường hợp bà **Thiều Hạnh N**, vay tiền dưới hình thức vay tiền đứng, cụ thể các lần vay và lãi suất như sau:

Lần thứ nhất: ngày 28/9/2020, thông qua Võ Quốc B, N vay với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 200.000 đồng/ngày. Hàng ngày, Bảo đến gặp N để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 28/9/2020 đến ngày 27/10/2020 (30 ngày), N đã trả lãi cho C với số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền C

thu lợi bất chính trong lần này là: $6.000.000 \text{ đồng} - (20.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 5.750.000 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai: ngày 27/10/2020, N tiếp tục vay thêm của Nguyễn Mạnh C số tiền 30.000.000 đồng, nâng số tiền vay lên 50.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 500.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp N để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 27/10/2020 đến ngày 25/3/2021 (75 ngày), N đã trả tiền cho C với số tiền 75.000.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần này là: $75.000.000 \text{ đồng} - (50.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 75 \text{ ngày}) = 71.250.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền mà Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Thiệu Hạnh N vay tiền là $5.750.000 \text{ đồng} + 71.250.000 \text{ đồng} = 77.000.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp ông **Lê Nhật T**: ngày 21/6/2021, thông qua Võ Quốc B, vay số tiền 3.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 30.000 đồng/ngày. Hàng ngày, B đến gặp T để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 21/6/2021 đến ngày 14/8/2021 (55 ngày), T đã trả lãi cho C với số tiền 1.650.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Lê Nhật T vay tiền là: $1.650.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 55 \text{ ngày}) = 1.567.500 \text{ đồng}$.

- Trường hợp ông **Nguyễn Xuân N**: ngày 12/5/2021, thông qua Nguyễn Phi V, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 100.000 đồng/ngày. Hàng ngày, V đến gặp N để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 12/5/2021 đến ngày 03/11/2021 (176 ngày), N đã trả lãi cho C với số tiền 17.600.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Xuân N vay tiền là: $17.600.000 \text{ đồng} - (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 176 \text{ ngày}) = 16.720.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp ông **Lê Minh Q**: ngày 16/4/2020, thông qua Nguyễn Phi V, vay số tiền 20.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 200.000 đồng/ngày. Hàng ngày, V đến gặp Q để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 16/4/2020 đến ngày 03/11/2021 (567 ngày), Q đã trả lãi cho C với số tiền 113.400.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Lê Minh Q vay tiền là: $113.400.000 \text{ đồng} - (20.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 567 \text{ ngày}) = 107.730.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp ông **Nguyễn Gia Đại P**: ngày 02/5/2021, thông qua Nguyễn Phi V, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 50.000 đồng/ngày. Hàng ngày, V đến gặp P để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 10/10/2021 (162 ngày), P đã trả lãi cho C với số tiền 8.100.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $8.100.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 162 \text{ ngày}) = 7.695.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 10/10/2021, P trả nợ gốc với số tiền 1.000.000 đồng cho C, rồi tiếp tục vay số tiền 4.000.000 đồng. Từ ngày 10/10/2021 đến ngày 06/11/2021 (27 ngày), P đã trả lãi cho Cg với số tiền 1.080.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.080.000 \text{ đồng} - (4.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 27 \text{ ngày}) = 1.026.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Gia Đại vay tiền là: $7.695.000 \text{ đồng} + 1.026.000 \text{ đồng} = 8.721.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp bà **Nguyễn Bảo N**: ngày 10/8/2021, thông qua Nguyễn Phi V, vay số tiền 70.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 700.000 đồng/ngày. Hàng ngày, V đến gặp N để thu tiền lãi

đem về giao cho C. Từ ngày 10/8/2021 đến ngày 15/10/2021 (67 ngày), N đã trả lãi cho C với số tiền 46.900.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Bảo N vay tiền là: $46.900.000 \text{ đồng} - (70.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 67 \text{ ngày}) = 44.555.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp bà **Trần Thị Bích H**: ngày 26/12/2020, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 8.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 80.000 đồng/ngày. Hàng ngày, P đến gặp H để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 26/12/2020 đến ngày 20/7/2021 (206 ngày), H đã trả lãi cho C với số tiền 16.480.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $16.480.000 \text{ đồng} - (8.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 206 \text{ ngày}) = 15.656.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 21/7/2021 đến ngày 24/9/2021, C thỏa thuận với H về việc không thu tiền lãi. Từ ngày 24/9/2021 đến ngày 26/10/2021 (32 ngày), H đã trả lãi cho C với số tiền 2.560.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $2.560.000 \text{ đồng} - (8.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 32 \text{ ngày}) = 2.432.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Thị Bích H vay tiền là: $15.656.000 \text{ đồng} + 2.432.000 \text{ đồng} = 18.088.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp ông **Võ B**, vay tiền dưới hình thức vay tiền góp, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 20/3/2020, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất vay 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 60.000 đồng. Hàng ngày, P đến gặp B để thu tiền gốc và lãi đem về giao cho C. Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 18/5/2020 (60 ngày), B đã trả gốc và lãi cho C với số tiền 3.300.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $300.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 510.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: Ngày 21/6/2020, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất vay 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 60.000 đồng. Hàng ngày, P đến gặp B để thu tiền gốc và lãi đem về giao cho C. Từ ngày 21/6/2020 đến ngày 20/8/2020 (60 ngày), đã trả gốc và lãi cho C với số tiền 3.300.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $300.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 510.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ ba: Ngày 20/10/2021, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất vay 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, P đến gặp B để thu tiền gốc và lãi đem về giao cho C. Từ ngày 20/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (6 ngày), B đã trả gốc và lãi cho C với số tiền 600.000 đồng, trong đó có 433.000 đồng tiền gốc và 167.000 đồng tiền lãi. Sau đó, B không tiếp tục trả tiền vay gốc và tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $167.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 6 \text{ ngày}) = 152.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Võ B vay tiền là: $510.000 \text{ đồng} + 510.000 \text{ đồng} + 152.000 \text{ đồng} = 1.172.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Lê Thị Cẩm V**, vay tiền 02 lần với hình thức vay và lãi suất vay như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 01/10/2020, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất vay 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 20.000 đồng. Hàng ngày, P đến

gặp V để thu tiền gốc và lãi đem về giao cho C. Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/11/2020 (60 ngày), V đã trả gốc và lãi cho C với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 2.000.000 đồng – (10.000.000 đồng x 0,05% x 60 ngày) = 1.700.000 đồng.

+ Lần thứ hai: ngày 29/5/2021, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 50.000 đồng/ngày. Hàng ngày, P đến gặp V để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 29/5/2021 đến ngày 16/8/2021 (80 ngày), V đã trả lãi cho C với số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 4.000.000 đồng – (5.000.000 đồng x 0,05% x 80 ngày) = 3.800.000 đồng.

Từ ngày 16/8/2021 đến ngày 21/9/2021, C và V thỏa thuận sẽ không tính lãi. Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 05/11/2021 (46 ngày), V đã trả lãi cho C với số tiền 2.300.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 2.300.000 đồng – (5.000.000 đồng x 0,05% x 46 ngày) = 2.185.000 đồng

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Lê Thị Cẩm V vay tiền là: 1.700.000 đồng + 3.800.000 đồng + 2.185.000 đồng = 7.685.000 đồng.

- Trường hợp **Huỳnh Thị Kim B**: ngày 31/01/2021, thông qua Trần Cao P, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 50.000 đồng/ngày. Hàng ngày, P đến gặp B để thu tiền lãi về cho C. Từ ngày 31/01/2021 đến ngày 23/7/2021 (174 ngày), B đã trả cho C số tiền lãi 8.700.000 đồng. Sau đó cả hai thỏa thuận không tính lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 8.700.000 đồng – (5.000.000 đồng x 0,05% x 174 ngày) = 8.265.000 đồng.

Từ ngày 22/9/2021 đến 31/10/2021 (40 ngày), B tiếp tục trả lãi cho C với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 2.000.000 đồng – (5.000.000 đồng x 0,05% x 40 ngày) = 1.900.000 đồng

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Huỳnh Thị Kim B vay là: 8.265.000 đồng + 1.900.000 đồng = 10.165.000 đồng.

- Trường hợp **Trần Thị Thanh V**:

+ Lần thứ nhất: ngày 18/5/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp V để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 18/5/2021 đến ngày 16/7/2021 (60 ngày), V đã trả cho Cường số tiền 12.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 2.000.000 đồng – (10.000.000 đồng x 0,05% x 60 ngày) = 1.700.000 đồng.

+ Lần thứ hai: ngày 16/7/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp V để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 16/7/2021 đến ngày 16/8/2021 (32 ngày), V đã trả cho C số tiền 6.400.000 đồng, trong đó có 5.344.000 đồng tiền gốc và 1.056.000 đồng tiền lãi. Sau đó, V không tiếp tục trả tiền theo thỏa thuận. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 1.056.000 đồng – (10.000.000 đồng x 0,05% x 32 ngày) = 896.000 đồng.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Thị Thanh V vay là:
 $1.700.000 \text{ đồng} + 896.000 \text{ đồng} = 2.596.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Thùy T**: ngày 15/9/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 30.000.000 đồng, hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi phải trả hàng ngày là 600.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp T để thu tiền về cho C. Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 04/11/2021 (51 ngày), Trâm đã trả cho C số tiền 33.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Thùy T vay là: $3.000.000 \text{ đồng} - (30.000.000 \times 0,05\% \times 51 \text{ ngày}) = 2.235.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Trương Thị Thanh H**: ngày 12/9/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi phải trả hàng ngày là 60.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp H để thu tiền về cho C. Từ ngày 12/9/2021 đến ngày 05/11/2021 (55 ngày), H đã trả cho C số tiền 3.300.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trương Thị Thanh H vay là: $300.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \times 0,05\% \times 55 \text{ ngày}) = 217.500 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Huỳnh Hồ Hồng L**:

+ Lần thứ nhất: ngày 28/8/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 28/8/2021 đến ngày 27/10/2021 (60 ngày), L đã trả cho C số tiền 12.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $2.000.000 \text{ đồng} - (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 1.700.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 27/10/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 27/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (10 ngày), L đã trả cho C số tiền 2.000.000 đồng, trong đó có 1.670.000 đồng tiền gốc và 330.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $330.000 \text{ đồng} - (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 10 \text{ ngày}) = 280.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Huỳnh Hồ Hồng L vay tiền là:
 $1.700.000 \text{ đồng} + 280.000 \text{ đồng} = 1.980.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Phạm Thị Xuân M**:

+ Lần thứ nhất: ngày 23/4/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp M để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 23/4/2021 đến ngày 20/6/2021 (60 ngày), M đã trả cho C số tiền 12.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $2.000.000 \text{ đồng} - (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 1.700.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 28/9/2021, thông qua Phạm Tấn Đ, vay số tiền 15.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 300.000 đồng. Hàng ngày, Đ đến gặp M để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 28/9/2021 đến ngày 29/10/2021 (32 ngày), M đã trả cho C số tiền 9.600.000 đồng, trong đó có 8.016.000 đồng tiền gốc và 1.584.000 đồng

tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.584.000 \text{ đồng} - (15.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 32 \text{ ngày}) = 1.344.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Phạm Thị Xuân M vay tiền là: $1.700.000 \text{ đồng} + 1.344.000 \text{ đồng} = 3.044.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Đặng Thị Út T**: ngày 03/11/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 03/11/2021 đến ngày 07/11/2021 (05 ngày), T đã trả cho C số tiền 500.000 đồng, trong đó có 417.500 đồng tiền gốc và 82.500 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Đặng Thị Út T vay tiền là: $82.500 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 05 \text{ ngày}) = 70.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Lương Thị Ngọc L**: ngày 01/10/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 15.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 300.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/10/2021 (30 ngày), L đã trả cho C số tiền 9.000.000 đồng, trong đó có 7.515.000 đồng tiền gốc và 1.485.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Lương Thị Ngọc L vay tiền là: $1.485.000 \text{ đồng} - (15.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 1.260.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thành T**: ngày 28/9/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 20.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 400.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 28/9/2021 đến ngày 05/11/2021 (40 ngày), T đã trả cho C số tiền 16.000.000 đồng, trong đó có 13.360.000 đồng tiền gốc và 2.640.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thành T vay tiền là: $2.640.000 \text{ đồng} - (20.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 40 \text{ ngày}) = 2.240.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Đào Thị Hồng T**: ngày 10/10/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 6.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 10/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (26 ngày), T đã trả cho C số tiền 3.120.000 đồng, trong đó có 2.605.200 đồng tiền gốc và 514.800 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Đào Thị Hồng T vay tiền là: $514.800 \text{ đồng} - (6.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 26 \text{ ngày}) = 436.800 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Mỹ L**: ngày 05/10/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 07/11/2021 (34 ngày), L đã trả cho C số tiền 6.800.000 đồng, trong đó có 5.678.000 đồng tiền gốc và 1.122.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Mỹ L vay tiền là: $1.122.000 \text{ đồng} - (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 34 \text{ ngày}) = 952.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Văn K**: ngày 05/10/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 6.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp K để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 04/11/2021 (30 ngày), K đã trả cho C số tiền 3.600.000 đồng, trong đó có 3.006.000 đồng tiền gốc và

594.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn K vay tiền là: $594.000 \text{ đồng} - (6.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 504.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Xuân H**: ngày 22/9/2021, thông qua Sử Thanh T vay số tiền 7.500.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 150.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp H để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 22/9/2021 đến ngày 02/11/2021 (40 ngày), H đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.010.00 đồng tiền gốc và 990.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Xuân H vay tiền là: $990.000 \text{ đồng} - (7.500.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 40 \text{ ngày}) = 840.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Võ Nguyễn Đông P**:

+ Lần thứ nhất: ngày 13/3/2021, thông qua Nguyễn Xuân H vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp P để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 13/3/2021 đến ngày 08/4/2021 (27,5 ngày), P đã trả cho C số tiền 5.500.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $500.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 27,5 \text{ ngày}) = 431.250 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 01/5/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 8.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 160.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp P để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 25/5/2021 (25 ngày), P đã trả cho C số tiền 4.000.000 đồng, trong đó có 3.340.000 đồng tiền gốc và 660.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $660.000 \text{ đồng} - (8.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 25 \text{ ngày}) = 560.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Võ Nguyễn Đông P vay tiền là: $431.250 \text{ đồng} + 560.000 \text{ đồng} = 991.250 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Trịnh Thị N**:

+ Lần thứ nhất: ngày 02/5/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 6.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp N để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 30/6/2021 (60 ngày), N đã trả cho C số tiền 7.200.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.200.000 \text{ đồng} - (6.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 1.020.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 13/7/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 6.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp N để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 13/7/2021 đến ngày 26/7/2021 (14 ngày), N đã trả cho C số tiền 1.680.000 đồng, trong đó có 1.402.800 đồng tiền gốc và 277.200 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $277.200 \text{ đồng} - (6.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 14 \text{ ngày}) = 235.200 \text{ đồng}$.

Từ ngày 19/10/2021, N tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho C đối với khoản vay này, tính đến ngày 04/11/2021 (17 ngày), N đã trả cho C số tiền 2.040.000 đồng, trong đó có 1.703.400 đồng tiền gốc và 336.600 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần này là: $336.600 \text{ đồng} - (6.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 17 \text{ ngày}) = 285.600 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trịnh Thị N vay tiền là: 1.020.000 đồng + 235.200 đồng + 285.600 đồng = 1.540.800 đồng.

- Trường hợp **Đào Thị N**: ngày 24/10/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp N để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 24/10/2021 đến ngày 10/11/2021 (18 ngày), N đã trả cho C số tiền 3.600.000 đồng, trong đó có 3.006.000 đồng tiền gốc và 594.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Đào Thị N vay tiền là: 594.000 đồng – (10.000.000 đồng x 0,05% x 18 ngày) = 504.000 đồng.

- Trường hợp **Nguyễn Đặng Anh T**:

+ Lần thứ nhất: ngày 01/4/2021, thông qua Nguyễn Xuân H vay số tiền 25.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 1.000.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 27/4/2021 (27,5 ngày), T đã trả cho C số tiền 27.500.000 đồng, trong đó có 25.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 2.500.000 đồng – (25.000.000 đồng x 0,05% x 27,5 ngày) = 2.156.250 đồng.

+ Lần thứ hai: ngày 01/7/2021, thông qua Nguyễn Xuân H vay số tiền 25.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 1.000.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 15/7/2021 (15 ngày), T đã trả cho C số tiền 15.000.000 đồng, trong đó có 13.650.000 đồng tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 1.350.000 đồng – (25.000.000 đồng x 0,05% x 15 ngày) = 1.162.500 đồng.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Đặng Anh T vay tiền là: 2.156.250 đồng + 1.162.500 đồng = 3.318.750 đồng.

- Trường hợp **Nguyễn Tú T**: ngày 16/9/2021, thông qua Nguyễn Xuân H vay số tiền 15.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 600.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 16/9/2021 đến ngày 12/10/2021 (27,5 ngày), T đã trả cho C số tiền 16.500.000 đồng, trong đó có 15.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Tú T vay tiền là: 1.500.000 đồng – (15.000.000 đồng x 0,05% x 27,5 ngày) = 1.293.750 đồng.

- Trường hợp **Võ Phương L**: ngày 19/4/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 8.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 160.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 19/4/2021 đến ngày 17/6/2021 (60 ngày), L đã trả cho C số tiền 9.600.000 đồng, trong đó có 8.000.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Võ Phương L vay tiền là: 1.600.000 đồng – (8.000.000 đồng x 0,05% x 60 ngày) = 1.360.000 đồng.

- Trường hợp **Trần Thị Tuyết T**: ngày 02/3/2021, thông qua Nguyễn Xuân H, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, H đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 02/3/2021 đến ngày 27/3/2021 (25 ngày), T đã trả cho C số tiền 2.500.000 đồng, trong đó có 2.087.500 đồng tiền gốc và

412.500 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Thị Tuyết T vay tiền là: $412.500 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 25 \text{ ngày}) = 350.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Huỳnh Thị Kim Q:**

+ Lần thứ nhất: ngày 01/4/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp Q để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/5/2021 (60 ngày), Q đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 22/9/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp Q để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 22/9/2021 đến ngày 01/1/2021 (41 ngày), Q đã trả cho C số tiền 4.100.000 đồng, trong đó có 3.423.500 đồng tiền gốc và 676.500 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $676.500 \text{ đồng} - (676.500 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 41 \text{ ngày}) = 574.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Huỳnh Thị Kim Q vay tiền là: $850.000 \text{ đồng} + 574.000 \text{ đồng} = 1.424.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Võ Thị Hồng A:**

+ Lần thứ nhất: ngày 01/5/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp A để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 29/6/2021 (60 ngày), Q đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 01/9/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp A để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/10/2021 (60 ngày), Q đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $850.000 \text{ đồng} + 850.000 \text{ đồng} = 1.700.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Võ Thành H:**

+ Lần thứ nhất: ngày 02/4/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp H để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 02/4/2021 đến ngày 31/5/2021 (60 ngày), H đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 10/9/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền

gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp H để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 10/9/2021 đến ngày 29/10/2021 (50 ngày), H đã trả cho C số tiền 5.000.000 đồng, trong đó có 4.175.000 đồng tiền gốc và 825.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $825.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 50 \text{ ngày}) = 700.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Võ Thành Hy vay tiền là: 850.000 đồng + 700.000 đồng = 1.550.000 đồng.

- Trường hợp **Nguyễn Văn T:**

+ Lần thứ nhất: ngày 20/6/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 20/6/2021 đến ngày 18/8/2021 (60 ngày), T đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 01/10/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/10/2021 (30 ngày), Thanh đã trả cho C số tiền 3.000.000 đồng, trong đó có 2.505.000 đồng tiền gốc và 495.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $495.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 420.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn T vay tiền là: 850.000 đồng + 420.000 đồng = 1.270.000 đồng.

- Trường hợp **Nguyễn Xuân Đ:** ngày 01/6/2021, thông qua Võ Duy B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, B đến gặp Đ để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 19/6/2021 (20 ngày), Đ đã trả cho C số tiền 2.000.000 đồng, trong đó có 1.670.000 đồng tiền gốc và 330.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Xuân Đ vay tiền là: $330.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 20 \text{ ngày}) = 280.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Hoài A:**

+ Lần thứ nhất: ngày 07/9/2020, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 3.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 60.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp A để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 07/9/2020 đến ngày 05/11/2020 (60 ngày), A đã trả cho C số tiền 3.600.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $600.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 510.000 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 01/7/2021, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp A để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 28/8/2021 (59 ngày), A đã trả cho C số tiền 5.900.000 đồng, trong đó có 4.926.500 đồng tiền gốc và 973.500 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $973.500 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 59 \text{ ngày}) = 826.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Hoài A vay tiền là:
 $510.000 \text{ đồng} + 826.000 \text{ đồng} = 1.336.000 \text{ đồng}.$

- Trường hợp **Trần Duy T:**

+ Lần thứ nhất: ngày 27/02/2021, thông qua Nguyễn Duy Q vay số tiền 4.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 160.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 27/02/2021 đến ngày 25/3/2021 (27,5 ngày), T đã trả cho C số tiền 4.400.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $400.000 \text{ đồng} - (4.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 27,5 \text{ ngày}) = 345.000 \text{ đồng}.$

+ Lần thứ hai: ngày 21/3/2021, thông qua Nguyễn Duy Q vay số tiền 3.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 21/3/2021 đến ngày 16/4/2021 (27,5 ngày), T đã trả cho C số tiền 3.300.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $300.000 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 27,5 \text{ ngày}) = 258.750 \text{ đồng}.$

+ Lần thứ ba: ngày 09/10/2021, thông qua Nguyễn Duy Q vay số tiền 3.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 120.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 09/10/2021 đến ngày 17/10/2021 (9 ngày), T đã trả cho C số tiền 1.080.000 đồng, trong đó có 990.900 đồng tiền gốc và 89.100 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $89.100 \text{ đồng} - (3.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 9 \text{ ngày}) = 75.600 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Duy T vay tiền là: $345.000 \text{ đồng} + 258.750 \text{ đồng} + 75.600 \text{ đồng} = 679.350 \text{ đồng}.$

- Trường hợp **Nguyễn Trung T:** ngày 30/5/2021, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 30/5/2021 đến ngày 18/6/2021 (20 ngày), T đã trả cho C số tiền 2.000.000 đồng, trong đó có 1.670.000 đồng tiền gốc và 330.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Trung T vay tiền là: $330.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 20 \text{ ngày}) = 280.000 \text{ đồng}.$

- Trường hợp **Dương Thị Xuân T:** ngày 23/02/2021, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 4.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 80.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 23/02/2021 đến ngày 09/3/2021 (14 ngày), T đã trả cho C số tiền 1.120.000 đồng, trong đó có 935.200 đồng tiền gốc và 184.800 đồng tiền lãi. Sau đó, T nhiều lần vay và trả nợ lãi cho Nguyễn Mạnh C nhưng không nhớ chính xác và cũng không có tài liệu gì để chứng minh số tiền cụ thể. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Dương Thị Xuân T vay tiền là: $184.800 \text{ đồng} - (4.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 14 \text{ ngày}) = 156.800 \text{ đồng}.$

- Trường hợp **Dương Thị Xuân T:** ngày 25/02/2021, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 4.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 80.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 17/3/2021

(21 ngày), T đã trả cho C số tiền 1.680.000 đồng, trong đó có 1.402.800 đồng tiền gốc và 277.200 đồng tiền lãi. Sau đó, Thu nhiều lần vay và trả nợ lãi cho Nguyễn Mạnh C nhưng không nhớ chính xác và cũng không có tài liệu gì để chứng minh số tiền cụ thể. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Dương Thị Xuân T vay tiền là: 277.200 đồng – $(4.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 21 \text{ ngày}) = 235.200 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Võ Thị Thu A**: ngày 04/4/2021, thông qua Nguyễn Duy Q, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Q đến gặp A để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 04/4/2021 đến ngày 24/4/2021 (0 ngày), A đã trả cho C số tiền 2.0000.000 đồng, trong đó có 1.670.000 đồng tiền gốc và 330.000 đồng tiền lãi. Số tiền Cường thu lợi bất chính từ việc cho Võ Thị Thu A vay tiền là: 330.000 đồng – $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 20 \text{ ngày}) = 280.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Lê Thị Mỹ N**: ngày 09/10/2021, thông qua Lê Quốc B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền đứng, lãi suất vay 1%/ngày, tương ứng với số tiền 50.000 đồng/ngày. Hàng ngày, B đến gặp N để thu tiền lãi đem về giao cho C. Từ ngày 09/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (30 ngày), Thắng đã trả lãi cho Cường với số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Lê Thị Mỹ N vay tiền là: 1.500.000 đồng – $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 1.425.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Cao Thị T**: ngày 05/10/2021, thông qua Lê Quốc B, vay số tiền 2.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 40.000 đồng. Hàng ngày, Bảo đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 04/11/2021 (30 ngày), T đã trả cho C số tiền 1.200.000 đồng, trong đó có 1.002.000 đồng tiền gốc và 198.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Cao Thị T vay tiền là: 198.000 đồng – $(2.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 168.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Ái L**: ngày 18/3/2021, thông qua Lê Quốc B, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Bảo đến gặp L để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 18/3/2021 đến ngày 17/4/2021 (30 ngày), L đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.010.000 đồng tiền gốc và 990.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Ái L vay tiền là: 990.000 đồng – $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 30 \text{ ngày}) = 840.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Kim T**: ngày 29/8/2020, thông qua Lê Quốc B, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Bảo đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 29/8/2020 đến ngày 08/10/2020 (40 ngày), Thu đã trả cho Cường số tiền 4.000.000 đồng, trong đó có 3.340.000 đồng tiền gốc và 660.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Kim T vay tiền là: 660.000 đồng – $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 40 \text{ ngày}) = 560.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Hồng N**:

+ Lần thứ nhất: ngày 05/12/2020, thông qua Phan Minh T vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp N để thu tiền gốc và lãi về cho Cường. Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 01/01/2021

(27,5 ngày), N đã trả cho C số tiền 5.500.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $500.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 27,5 \text{ ngày}) = 431.250 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: ngày 22/10/2021, thông qua Phan Minh T vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp N để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 22/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (13 ngày), N đã trả cho C số tiền 2.600.000 đồng, trong đó có 2.385.500 đồng tiền gốc và 214.500 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: $214.500 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 13 \text{ ngày}) = 182.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Hồng N vay tiền là: $431.250 \text{ đồng} + 182.000 \text{ đồng} = 613.250 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Trần Hữu Q**: ngày 24/10/2021, thông qua Phan Minh T, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 27,5 ngày, lãi suất 0,36%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp Q để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 24/10/2021 đến ngày 05/11/2021 (14 ngày), T đã trả cho C số tiền 2.600.000 đồng, trong đó có 2.569.000 đồng tiền gốc và 231.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Hữu Q vay tiền là: $231.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 14 \text{ ngày}) = 196.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Đình T**: ngày 14/12/2020, thông qua Phan Minh T, vay số tiền 20.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 400.000 đồng. Hàng ngày, T đến gặp T để thu tiền gốc và lãi về cho C. Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 28/01/2021 (45 ngày), T đã trả cho C số tiền 18.000.000 đồng, trong đó có 15.030.000 đồng tiền gốc và 2.970.000 đồng tiền lãi. Số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Đình T vay tiền là: $2.970.000 \text{ đồng} - (20.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 45 \text{ ngày}) = 2.520.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Hà V**: ngày 10/4/2021, thông qua Bùi Quốc C, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Bùi Quốc C đến gặp V để thu tiền gốc và lãi về cho Nguyễn Mạnh C. Từ ngày 10/4/2021 đến ngày 08/6/2021 (60 ngày), V đã trả cho C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Hà V vay tiền là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Nguyễn Thị Xuân H**: ngày 05/10/2021, thông qua Bùi Quốc C, vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 100.000 đồng. Hàng ngày, Bùi Quốc C đến gặp H để thu tiền gốc và lãi về cho Nguyễn Mạnh C. Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 03/12/2021 (60 ngày), H đã trả cho Nguyễn Mạnh C số tiền 6.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Xuân H vay tiền là: $1.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 60 \text{ ngày}) = 850.000 \text{ đồng}$.

- Trường hợp **Trần Thanh H**: ngày 14/01/2020, thông qua Bùi Quốc C, vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay tiền góp, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 0,33%/ngày, số tiền gốc và lãi hàng ngày phải trả là 200.000 đồng. Hàng ngày, Bùi Quốc C đến gặp H để thu tiền gốc và lãi về cho Nguyễn Mạnh C. Từ ngày

14/01/2020 đến ngày 07/02/2022 (25 ngày), H đã trả cho Nguyễn Mạnh C số tiền 5.000.000 đồng, trong đó có 4.175.000 đồng tiền gốc và 825.000 đồng tiền lãi. Sau đó, H nhiều lần vay và trả nợ lãi cho Nguyễn Mạnh C nhưng không nhớ chính xác và cũng không có tài liệu gì để chứng minh số tiền cụ thể. Số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Trần Thanh H vay tiền là: 825.000 đồng – (10.000.000 đồng x 0,05% x 25 ngày) = 700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã dùng vào việc cho vay lãi nặng từ năm 2020 đến ngày 06/11/2021 là **713.500.000 đồng**; tổng số tiền lãi thu được là 426.605.200 đồng (Trong đó, tổng số tiền lãi hợp pháp là: 26.961.250 đồng; Tổng số tiền thu lợi bất chính là **399.643.950 đồng**).

Cáo trạng số 281/CT-VKSNT ngày 03 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố Nguyễn Mạnh C, Trần Cao P, Võ Quốc B, Lê Quốc B, Nguyễn Phi V, Phạm Tấn Đ, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Phan Minh T, Bùi Quốc C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 1 năm 06 tháng đến 02 năm tù; phạt bổ sung: phạt tiền 70.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Cao P. Xử phạt bị cáo Trần Cao P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Quốc B. Xử phạt bị cáo Võ Quốc B từ 14 tháng đến 15 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quốc B. Xử phạt bị cáo Lê Quốc B từ 01 năm 02 tháng đến 02 năm tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi V. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi V từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng cải tạo không giam giữ. (Được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022); hình phạt bổ sung: phạt tiền 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tấn Đạt. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; hình phạt bổ sung: phạt tiền 40.000.000 đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Duy

B. Xử phạt bị cáo Võ Duy Bảo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; hình phạt bổ sung: phạt tiền 40.000.000đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Q. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (*Được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/01/2022*); hình phạt bổ sung: phạt tiền 40.000.000 đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Sử Thanh T. Xử phạt bị cáo Sử Thanh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ (*Được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022*); hình phạt bổ sung: phạt tiền 30.000.000đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Sử Thanh T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ (*Được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/01/2022*); hình phạt bổ sung: phạt tiền 30.000.000 đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Minh T. Xử phạt bị cáo Phan Minh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ (*Được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022*); hình phạt bổ sung: phạt tiền 30.000.000 đồng

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Quốc C. Xử phạt bị cáo Bùi Quốc C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ; hình phạt bổ sung: phạt tiền 30.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự; Xử lý vật chứng vụ án và án phí đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2020 đến

ngày 06 tháng 11 năm 2021, trên địa bàn thành phố Z, Nguyễn Mạnh C cùng Trần Cao P, Võ Quốc B, Lê Quốc B, Nguyễn Phi V, Phạm Tấn Đ, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C đã có hành vi cho 50 người vay tiền, dưới hình thức vay tiền góp hoặc vay tiền đứng, với mức lãi suất mỗi lần vay, cao gấp 6,6 lần đến 20 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi mà Nguyễn Mạnh C cùng các đồng phạm đã thu được là: 426.605.200 đồng (*Trong đó, số tiền lãi hợp pháp là: 26.961.250, số tiền thu lợi bất chính là 399.643.950 đồng*). Như vậy, hành vi cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên (*từ 6,6 lần đến 20 lần*) so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính với số tiền **399.643.950 đồng** (*Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm năm mươi đồng*) của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 281/CT-VKSNT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người đi vay, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này, các bị cáo có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch, phân công vai trò của người tham gia và mỗi người thực hiện một số hành vi và phải chịu sự điều khiển của người cầm đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Do đó, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra; Có như vậy mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, đối với từng bị cáo xét về nhân thân, tính chất và mức độ phạm tội có khác nhau nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

* *Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo:*

- Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C: Bị cáo C là người chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp bỏ tiền gốc, tự đặt ra mức lãi suất trái quy định nhằm thu lợi bất chính; Trong những lần cho vay, có 03 lần (ngày 27/10/2020, 16/4/2020 và 10/8/2021) bị cáo đã thông qua Võ Quốc B và Nguyễn Phi V cho bà Thiều Hạnh N, ông Lê Minh Q, bà Nguyễn Bảo N vay với số tiền thu lợi bất chính của mỗi người vay trên 30.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; Chủ động tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét vai trò tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn

ng nghiêm khắc nhất trong đồng phạm đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với các bị cáo Trần Cao P, Võ Quốc B và Lê Quốc B: Các bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực; Bị cáo Trần Cao P đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P. Bị cáo Võ Quốc B đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà lại phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Quốc B có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cha ruột ông Lê Quý T là thương binh loại A, thương tật 2/4, gia đình có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quốc B. Xét vai trò tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, trong đó mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Trần Cao P cao hơn so với mức hình phạt của các bị cáo Võ Quốc B và Lê Quốc B. Mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Võ Quốc B và Lê Quốc B là tương đương nhau và bằng thời hạn mà các bị cáo Võ Quốc B, Lê Quốc B đã bị tạm giam cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Phi V, Phạm Tấn Đ, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Phi V, Bùi Quốc C, Phan Minh T; Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H đã ăn năn hối cải chủ động nộp lại tiền thu lợi bất chính, tích cực chấp hành pháp luật, gương mẫu trong mọi lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội; Tham gia dân quân tự vệ giữ gìn trật tự trị an tại địa phương (*Được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận*); Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Phi V có ông ngoại Bùi Q là Liệt sỹ, được Tổ quốc ghi công; bị cáo Nguyễn Xuân H trong thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự được Giám đốc công an tỉnh Khánh Hòa tặng giấy khen; bị cáo có cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị H được Chủ tịch nước tặng thưởng nhiều Huân, huy chương vì đã có thành tích phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định chung tại một điểm của Điều luật nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo Phạm Tấn Đ, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Phi V đã giúp bị cáo Nguyễn Mạnh C cho bà Thiều Hạnh N và ông Lê Minh Q vay với số tiền thu lợi bất chính của mỗi người vay trên 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V.

Xét vai trò tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều là người được Nguyễn Mạnh C thuê và trả lương hàng tháng; không trực tiếp bỏ tiền ra để cho vay, toàn bộ số tiền gốc và lãi cho vay mà các bị cáo thu về đều nộp lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C; Các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhất thời phạm tội và việc làm thuê cho Nguyễn Mạnh C nhằm mục đích có thêm khoản thu nhập trang trải cuộc sống trong tình hình dịch bệnh covid khi nhu cầu cần người lao động còn hạn chế. Do đó cũng cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo. Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đã quy định đối với các bị cáo và áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe và để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Các bị cáo Nguyễn Phi V, Phạm Tấn Đ, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Mạnh Cg được hưởng lợi từ việc cho vay nặng lãi nên Hội đồng xét xử áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Về số tiền thu lợi bất chính: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền thu lãi vượt quá mức lãi suất do Nhà Nước quy định. Tuy nhiên, số tiền 399.643.950 đồng là tiền lãi mà các bị cáo đã thu vượt quá mức quy định của Nhà nước nên đây là tiền thu lợi bất chính. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Mạnh C khai nhận: Các bị cáo trong vụ án là người trực tiếp thu tiền gốc và lãi (hợp pháp, bất hợp pháp) của những người vay về nộp lại cho bị cáo hàng ngày. Bị cáo đã trả lương hàng tháng cho các bị cáo khác trong đó có số tiền thu lợi bất chính. Do đó, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới theo phần nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là: 399.643.950 đồng; Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phải nộp lại 239.786.370 đồng vào ngân sách nhà nước; Các bị cáo Trần Cao P, Võ Quốc B, Lê Quốc B, Nguyễn Phi V, Sử Thanh T, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C mỗi bị cáo phải nộp 14.532.507đồng vào ngân sách nhà nước.

Về phương tiện phạm tội: Tại phiên tòa, Nguyễn Mạnh C thừa nhận đã sử dụng tiền gốc và lãi hợp pháp thu được để làm vốn cho vay quay vòng, do đó số tiền gốc và lãi hợp pháp được trở thành vốn vay và là phương tiện phạm tội. Nên cần tịch thu toàn bộ số tiền gốc dùng làm vốn cho vay và toàn bộ tiền lãi hợp pháp mà bị cáo đã thu được trong vụ án để nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể: tiền gốc mà người vay đã trả: 713.500.000đồng; tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là: 26.961.250đồng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Truy thu bị cáo Nguyễn Mạnh C số tiền 740.461.250 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với các trường hợp vay được ghi nhận tại các quyển sổ ghi chép để quản lý theo dõi, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận không nhớ cụ thể nhân thân, lai lịch từng trường hợp đã cho vay và địa điểm diễn ra giao dịch vay; có một số trường

hợp bị cáo đã cho vay nhưng họ vẫn chưa trả tiền gốc và bỏ trốn. Vì chưa xác định được nhân thân lai lịch của người vay và tại bảng tính ghi chép trong sổ theo dõi của các bị cáo không xác định được các trường hợp đáo hạn vay, trường hợp dùng trả nợ vay nên không xác định được số tiền lãi đã thu, cũng như không đủ căn cứ xác định số tiền thu lợi bất chính của các trường hợp này. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nha Trang tiếp tục xác minh điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Võ Thị Kim O: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Mạnh C khẳng định chỉ biết O là vợ của Sử Thanh T; không có việc thuê O cũng như trả tiền công cho O trong việc cho vay nặng lãi; Bị cáo Sử Thanh T khai nhận: Do trước đây O có làm việc ở một doanh nghiệp nên có dùng số điện thoại của O lập thẻ ATM tại ngân hàng Vietcombank nên bị cáo đã sử dụng thẻ này và lấy số điện thoại của O để giao dịch với những người vay khi họ muốn nhận và trả tiền vay bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng. Vì vậy, toàn bộ hoạt động cho vay chỉ có bị cáo mới biết. Bản thân O không biết và không liên quan gì đến hoạt động cho vay của bị cáo và bị cáo Nguyễn Mạnh C; Lời khai của Võ Thị Kim O trong quá trình điều tra không thừa nhận có hành vi giúp sức cho các bị cáo trong hoạt động cho vay lãi nặng nên chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự của Võ Thị Kim O.

Đối với các đối tượng tên “Toàn”, “Vy”, “Thắng” hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z đã thu giữ các tài liệu, đồ vật sau:

- 01 chứng minh nhân dân tên Trần Tiến T, đính cùng 01 sổ hộ khẩu số 330054833, tên chủ hộ Trần Tiến T, dán giấy ghi T mượn lại (T); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển số 79N2-94987 kèm 02 bản hợp đồng mua bán xe máy (bản photo); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển số 79D1-72228 kèm 02 bản hợp đồng mua bán xe máy; 03 thùng carton giấy gồm toàn bộ các hồ sơ vay tiền, chứng minh nhân dân sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe (đã niêm phong có hình dấu và chữ ký điều tra viên Đặng Nhật M); 01 xe máy hiệu Sirius, biển kiểm soát 79Z1-35401, dung tích xi lanh 110, số máy E3X9E188530, số khung: RLCUE3240HY072132; 01 xe máy hiệu SH màu đỏ, biển kiểm soát 79N2-32827 dung tích xi lanh 125, số máy JF73E0042862, số khung: RLHJF7301GY043068; 01 xe máy hiệu Atila, biển số 79H1-0539, dung tích xi lanh 125, số máy BED400312, số khung D7D400312: Chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nên giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z xử lý theo quy định của pháp luật. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 02 máy tính cầm tay Casino là công cụ mà bị cáo Nguyễn Mạnh C dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z)*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu vàng, đang lắp sim số 0372278062 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, đang lắp sim số 0389467084 (đã qua sử dụng, không kiểm tra

chất lượng) là công cụ, phương tiện mà bị cáo Sử Thanh T dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) là công cụ, phương tiện bị cáo Nguyễn Phi V dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z)*

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174, màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) là công cụ, phương tiện bị cáo Võ Quốc B dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 điện thoại màu đen, hiệu OPPO A15, gắn sim số 0932519918 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) là công cụ, phương tiện bị cáo Phan Minh T dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 điện thoại hiệu Iphone 7, màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) là công cụ, phương tiện bị cáo Trần Cao P dùng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 lệnh chuyển tiền Nguyễn Mạnh C tại ngân hàng MB Bank; 01 thẻ thanh toán Plus Sacombank, số thẻ 9704030085211156; 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn T; 01 xe ô tô Honda CRV màu trắng biển số 79A-26562, dung tích xi lanh 1498, màu trắng, số máy L15BG2221469, số khung MRH (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 giấy biên nhận thế chấp xe của Ngân hàng Seabank; 01 camera EZVIZ, SN: E23699287 gắn 01 thẻ nhớ hiệu DSS Micro SDHCI 32 GB; 01 camera EZVIZ, SN: D30973398 gắn 01 thẻ nhớ hiệu Sandisk Ultra Micro SDXCI 64 GB; 01 camera EZVIZ, SN: D309733994 gắn 01 thẻ nhớ hiệu DSS Micro SDHCI 32 GB; 04 dây chuyền kim loại màu vàng (03 dây chuyền có mặt, 01 dây chuyền không có mặt); 01 dây chuyền kim loại màu trắng, có mặt; 01 đồng hồ đeo tay kim loại màu vàng; 04 lắc đeo tay kim loại màu vàng; 04 nhẫn kim loại đeo tay, màu vàng là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Mạnh C nên trả lại cho bị cáo C. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z và phiếu nhập kho, bản kê nhập tài sản quý giữa cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố Z và Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa lập ngày 18/7/2022).*

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A2, màu xanh, đang lắp sim số 0367777060; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng (không lắp sim) là tài sản cá nhân của bị cáo Sử Thanh T nên trả lại cho bị cáo T. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 thẻ ngân hàng ATM ngân hàng Agribank; 01 thẻ ngân hàng VIB đều mang tên Võ Thị Kim O là tài sản cá nhân của bà Võ Thị Kim O nên trả lại cho bà O. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đỏ (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) là tài sản cá nhân của bà Nguyễn Lê Hoàng A nên trả lại cho bà A. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 xe máy NVX, biển kiểm soát 79N2-164.40, dung tích xi lanh 155, số máy G3H9E002921, số khung RLCSG4510GY002 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) là tài sản của anh Trần Nguyễn Duy P nên trả lại cho anh P. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, chủ thẻ Nguyễn Phi V là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Phi V nên trả lại cho bị cáo V. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 thẻ ngân hàng Vietcombank tên Võ Quốc B; 01 hợp đồng mua xe máy hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451 giữa Trần Ngọc Trúc Q và Nguyễn Trúc N; 01 hợp đồng mua bán xe máy hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451 giữa Nguyễn Trúc N và Võ Quốc B; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451, dung tích xi lanh 125, số máy JF73E0080707, số khung: RLHJF7301GY080623 là tài sản cá nhân của bị cáo Võ Quốc B nên trả lại cho bị cáo B. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 thẻ Vietcombank mang tên Lê Quốc B; 01 điện thoại Iphone 7 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) ; 01 thẻ căn cước công dân số 056089009569 mang tên Lê Quốc B là tài sản cá nhân của Lê Quốc B nên trả lại cho bị cáo Lê Quốc B. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 máy tính laptop màu đen, hiệu Dell (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) và 01 giấy chứng nhận xe máy (cà vẹt xe máy) AirBlade, biển số 79N2-52531 là tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị Thu H nên trả lại cho bà H. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 01 cây ba khúc bằng kim loại, cán bằng cao su màu đen; 01 cây ba trắc; 01 điện thoại oppo màu vàng, không lắp sim (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- 320 tờ tiền mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng; 40 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, 85 tờ tiền mệnh giá 100 đô Canada thu giữ của bị cáo Nguyễn Mạnh C cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo phiếu nhập kho, bản kê nhập tài sản quý giữa cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố Z và Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa)*

lập ngày 18/7/2022; Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023).

- Số tiền 9.850.000 đồng thu giữ của bị cáo Sử Thanh T cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023)*

- Số tiền 21.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Phi V cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023)*

- Số tiền 10.892.000 đồng thu giữ của bị cáo Phan Minh T cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023)*

- 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng; 01 tờ giấy bạc mệnh giá 100.000 Việt Nam đồng thu giữ của bị cáo Trần Cao P cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023).*

- Số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Quốc B cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023)*

- Số tiền 25.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Mạnh C; số tiền 25.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Sử Thanh T; số tiền 25.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Phan Minh T; số tiền 25.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Xuân H; số tiền 25.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Bùi Quốc C. Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và tiếp tục tạm giữ tổng số tiền 125.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. *(Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 23/2/2023; ngày 27/02/2023 và ngày 03/3/2023 tên chủ tài khoản Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, số tài khoản 39490105246600000).*

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Cao P, Võ Quốc B, Lê Quốc B; Phạm Tấn Đ, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Sử Thanh T, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Mạnh C** (Tên gọi khác: *C mụn*) **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/01/2022.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* nộp vào ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Cao P.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Cao P** (Tên gọi khác: PC) **01 (Một) năm 05 (Năm) tháng** tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/01/2022.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Cao P 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Quốc B.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Quốc B** (Tên gọi khác là BK) **01 (Một) năm 02 (hai) tháng 05 (năm) ngày** tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn phạt tù bị cáo Võ Quốc B bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 06/3/2023). Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc B.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Quốc B** (Tên gọi khác là B Lucky) **01 (Một) năm 02 (hai) tháng** tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn phạt tù bị cáo Lê Quốc B bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (Từ ngày 11/01/2022 đến ngày 06/3/2023). Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi V.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phi V** 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 8/4/2022, 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Phi V còn phải chấp hành **21 (Hai mươi mốt) tháng 13 (Mười ba) ngày Cải tạo không giam giữ**.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Phi V tính từ Ủy ban nhân dân phường P H, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Phi V

Giao bị cáo Nguyễn Phi V cho Ủy ban nhân dân phường P H, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tấn Đ.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Tấn Đ** (Tên gọi khác: Đ) **02 (Hai) năm Cải tạo không giam giữ** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Tấn Đ tính từ Ủy ban nhân dân xã VH, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Tấn Đ

Giao bị cáo Phạm Tấn Đ cho Ủy ban nhân dân xã VH, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Duy B.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Duy B** (Tên gọi khác: H) 02 (Hai) năm Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Tấn Đ tính từ Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Võ Duy B

Giao bị cáo Võ Duy B cho Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Q.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy Q** (Tên gọi khác: B nhỏ) 02 (Hai) năm Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/1/2022, 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Duy Q còn phải chấp hành **22 (Hai mươi hai) tháng 22 (Hai mươi hai) ngày Cải tạo không giam giữ.**

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Duy Q tính từ Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Duy Q

Giao bị cáo Nguyễn Duy Q cho Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sử Thanh T.

Xử phạt: Bị cáo **Sử Thanh T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022 , 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Sử Thanh T còn phải chấp hành **09 (Chín) tháng 08 (Tám) ngày Cải tạo không giam giữ.**

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Sử Thanh Tâm tính từ Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Sử Thanh T

Giao bị cáo Sử Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Minh T.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Minh T** (Tên gọi khác là B lớn) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 08/4/2022 , 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Phan Minh Thơm còn phải chấp hành **09 (Chín) tháng 08 (Tám) ngày Cải tạo không giam giữ.**

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phan Minh T tính từ Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phan Minh T

Giao bị cáo Phan Minh T cho Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân H** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/1/2022 , 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Xuân H còn phải chấp hành **16 (Mười sáu) tháng 17 (Mười bảy) ngày Cải tạo không giam giữ.**

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Xuân H tính từ Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Xuân H

Giao bị cáo Nguyễn Xuân H cho Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Quốc C.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Quốc C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Bùi Quốc Cường tính từ Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố Z nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Bùi Quốc C

Giao bị cáo Bùi Quốc C cho Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố Z nơi cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự;

Truy thu bị cáo Nguyễn Mạnh C số tiền 980.247.620 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. (Trong đó: tiền gốc mà người vay đã trả: 713.500.000đồng; tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là: 26.961.250 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 239.786.370đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu các bị cáo Trần Cao P, Võ Quốc B, Lê Quốc B, Nguyễn Phi V, Sử Thanh T, Võ Duy B, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Xuân H, Phan Minh T, Bùi Quốc C mỗi bị cáo số tiền 14.532.507đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z xử lý theo quy định của pháp luật: 01 chứng minh nhân dân tên Trần Tiến T, đính cùng 01 sổ hộ khẩu số 330054833, tên chủ hộ Trần Tiến T, dán giấy ghi T mượn lại (Tâm); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển số 79N2-94987 kèm 02 bản hợp đồng mua bán xe máy (bản photo); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển số 79D1-72228 kèm 02 bản hợp đồng mua bán xe máy; 03 thùng carton giấy gồm toàn bộ các hồ sơ vay tiền, chứng minh nhân dân sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe (đã niêm phong có hình dấu và chữ ký điều tra viên Đặng Nhật M); 01 xe máy hiệu Sirius, biển kiểm soát 79Z1-35401, dung tích xi lanh 110, số máy E3X9E188530, số khung: RLCUE3240HY072132; 01 xe máy hiệu SH màu đỏ, biển kiểm soát 79N2-32827 dung tích xi lanh 125, số máy JF73E0042862, số khung: RLHJF7301GY043068; 01 xe máy hiệu Atila, biển số 79H1-0539, dung tích xi lanh 125, số máy BED400312, số khung D7D400312. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023

giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 02 máy tính cầm tay Casino; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu vàng, đang lắp sim số 0372278062 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, đang lắp sim số 0389467084 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174, màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại màu đen, hiệu OPPO A15, gắn sim số 0932519918 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại hiệu Iphone 7, màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng). *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z)*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C: 01 lệnh chuyển tiền Nguyễn Mạnh C tại ngân hàng MB Bank; 01 thẻ thanh toán Plus Sacombank, số thẻ 9704030085211156; 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn T; 01 xe ô tô Honda CRV màu trắng biển số 79A-26562, dung tích xi lanh 1498, màu trắng, số máy L15BG2221469, số khung MRH (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 giấy biên nhận thẻ chấp xe của Ngân hàng Seabank; 01 camera EZVIZ, SN: E23699287 gắn 01 thẻ nhớ hiệu DSS Micro SDHCI 32 GB; 01 camera EZVIZ, SN: D30973398 gắn 01 thẻ nhớ hiệu Sandisk Ultra Micro SDXCI 64 GB; 01 camera EZVIZ, SN: D309733994 gắn 01 thẻ nhớ hiệu DSS Micro SDHCI 32 GB; 04 dây chuyền kim loại màu vàng (03 dây chuyền có mặt, 01 dây chuyền không có mặt); 01 dây chuyền kim loại màu trắng, có mặt; 01 đồng hồ đeo tay kim loại màu vàng; 04 lắc đeo tay kim loại màu vàng; 04 nhẫn kim loại đeo tay, màu vàng. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z và phiếu nhập kho, bản kê nhập tài sản quý giữa cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố Z và Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa lập ngày 18/7/2022).*

- Trả lại cho bị cáo Sử Thanh : 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A2, màu xanh, đang lắp sim số 0367777060; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng (không lắp sim). *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- Trả lại cho bà Võ Thị Kim O: 01 thẻ ngân hàng ATM ngân hàng Agribanks; 01 thẻ ngân hàng VIB đều mang tên Võ Thị Kim O. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- Trả cho bà Nguyễn Lê Hoàng A: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đỏ (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng). *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).*

- Trả cho anh Trần Nguyễn Duy P: 01 xe máy NVX, biển kiểm soát 79N2-164.40, dung tích xi lanh 155, số máy G3H9E002921, số khung RLCSG4510GY002 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) *(Theo biên bản giao nhận vật chứng*

ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Trả cho bị cáo Nguyễn Phi V: 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, chủ thẻ Nguyễn Phi V. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Trả cho bị cáo Võ Quốc B: 01 thẻ ngân hàng Vietcombank tên Võ Quốc B; 01 hợp đồng mua xe máy hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451 giữa Trần Ngọc Trúc Q và Nguyễn Trúc N; 01 hợp đồng mua bán xe máy hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451 giữa Nguyễn Trúc N và Võ Quốc B; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát 79D1-56451, dung tích xilanh125, số máy JF73E0080707, số khung: RLHJF7301GY080623. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Trả cho bị cáo Lê Quốc B: 01 thẻ Vietcombank mang tên Lê Quốc B; 01 điện thoại Iphone 7 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) ; 01 thẻ căn cước công dân số 056089009569 mang tên Lê Quốc B. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 01 máy tính laptop màu đen, hiệu Dell (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng) và 01 giấy chứng nhận xe máy (cà vẹt xe máy) AirBlade, biển số 79N2-52531. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây ba khúc bằng kim loại, cán bằng cao su màu đen; 01 cây ba trắc. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 320 tờ tiền mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng; 40 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, 85 tờ tiền mệnh giá 100 đô Canada thu giữ của bị cáo Nguyễn Mạnh C; Số tiền 9.850.000 đồng thu giữ của bị cáo Sử Thanh T; Số tiền 21.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Phi V; Số tiền 10.892.000 đồng thu giữ của bị cáo Phan Minh T; 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng; 01 tờ giấy bạc mệnh giá 100.000 Việt Nam đồng thu giữ của bị cáo Trần Cao P; Số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Quốc B; (Theo phiếu nhập kho, bản kê nhập tài sản quý giữa cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố Z và Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa lập ngày 18/7/2022; Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05/4/2022 và ngày 03/3/2023).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Tổng số tiền 125.000.000 đồng. (Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 23/2/2023; ngày 27/02/2023 và ngày 03/3/2023 tên chủ tài khoản Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, số tài khoản 39490105246600000).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Công an TP. Z;
- Thị hành án dân sự Z;
- Lưu: Án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ HẠNG

